

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 02-8-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Bà Hoàng Thị Thơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Tấn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân sơ thẩm số 117/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Kim D, sinh năm 1993 (có mặt);

HKTT: ấp A, xã C, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh X, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - Chị Võ Thị Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn - Chị Võ Thị Kim D trình bày:

Chị và anh X xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp,

không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn anh X.

+ Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/11/2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh X cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Bị đơn - Anh Nguyễn Thanh X trình bày:

Anh và chị D xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn không lớn nhưng vợ anh tự bỏ đi và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Nay xác định vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị D.

+ Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/11/2019, con chung do anh nuôi dưỡng ổn định từ lúc vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu vẫn phát triển tốt. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

* Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 117/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Võ Thị Kim D và Anh Nguyễn Thanh X.

2/ Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của Chị Võ Thị Kim D về việc nuôi con chung.

- Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/11/2019 cho anh X nuôi dưỡng.

- Chị Võ Thị Kim D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Chị Võ Thị Kim D được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 06/5/2022, Chị Võ Thị Kim D có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/11/2019, chị không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Võ Thị Kim D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Anh Nguyễn Thanh X không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị D.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn”; Thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Võ Thị Kim D và Anh Nguyễn Thanh X xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có với nhau một người con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/11/2019 hiện đang sống với anh X. Khi ly hôn cả hai đều có yêu cầu được nuôi con và không có yêu cầu cấp dưỡng.

Bản án sơ thẩm nhận định phía chị D và anh X đều đủ khả năng kinh tế để nuôi con chung. Mặc dù con chung hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, nhưng từ khi anh chị sống ly thân, cháu Ngọc do anh X và gia đình anh X nuôi dưỡng đã ổn định, cháu vẫn phát triển tốt bình thường, phù hợp theo đơn xin xác nhận về hiện trạng nuôi con của anh X, có xác nhận của Ban quản lý ấp An Hòa, xã An Cư ngày 15/4/2022. Mặt khác, hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, việc thay đổi hiện trạng nuôi con di chuyển từ nơi này sang nơi khác sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và tâm, sinh lý của cháu bé. Do vậy, để tránh xáo trộn về mặt tâm, sinh lý của con chung và ổn định cuộc sống của cháu Ngọc, Tòa án cấp sơ thẩm xử giao con chung cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng và không buộc chị D cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ phù hợp pháp luật. Chị D kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị D không được chấp nhận nên chị D phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chị Võ Thị Kim D.

Giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 117/2022/HNGĐ-ST ngày 06-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Võ Thị Kim D và Anh Nguyễn Thanh X.

1.2. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của Chị Võ Thị Kim D về việc yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/11/2019.

Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/11/2019 cho Anh Nguyễn Thanh X nuôi dưỡng.

Chị Võ Thị Kim D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh X chưa có yêu cầu.

Chị Võ Thị Kim D được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0009508 ngày 01/4/2022 và 0009721 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND h Cái Bè;
- CCTHADS H Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy